ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ THƯỜNG THẮNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:16 /QĐ-UBND	*Thường Thắng, ngày 22 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu và thuyết minh số liệu phân bổ dự toán Ngân sách xã Thường Thắng năm 2024 đã được Hội đồng nhân dân xã phê duyệt

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THƯỜNG THẮNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 2178/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND huyện Hiệp Hòa về việc giao dự toán NSNN năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 02/01/2024 của HĐND xã về dự toán Ngân sách Nhà nước và phân bổ dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2024 xã Thường Thắng;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2024 của UBND xã Thường Thắng về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước và thu, chi các loại quỹ của xã Thường Thắng năm 2024;

Theo đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu và thuyết minh số liệu phân bổ dự toán Ngân sách xã Thường Thắng năm 2024, cụ thể như sau:

1. Về công khai số liệu phân bổ dự toán Ngân sách xã Thường Thắng năm 2024.*(chi tiết theo biểu số 108,109,110, 112).*

2. Về công khai thuyết minh số liệu phân bổ dự toán Ngân sách xã Thường Thắng năm 2024.

2.1. Tổng thu ngân sách Nhà nước: 6.866.000.000 đồng; Trong đó:

- Thu phí, lệ phí: 85.000.000 đồng
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác: 79.000.000 đồng
- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 148.000.000 đồng
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh: 58.000.000 đồng.
- Lệ phí trước bạ nhà, đất: 150.000.000 đồng

- Thu thuế ngoài quốc doanh (TNDN + GTGT): 160.000.000 đồng
- Thu thuế thu nhập cá nhân: 580.000.000 đồng
- Thu tiền sử dụng đất: 0 đồng
- Thu chuyển nguồn CCTL: 753.000.000đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 4.853.000.000 đồng

+ Bổ sung cân đối ngân sách: 4.040.000.000 đồng

+ Bổ sung có mục tiêu: 571.000.000 đồng

+ Bổ sung đảm bảo mặt bằng dự toán chi NS địa phương năm 2024 giảm so với năm 2023: 242.000.000 đồng

2.2. Tổng thu Ngân sách xã được điều tiết: 6.541.000.000 đồng.

- Thu trên địa bàn: 935.000.000 đồng
- Thu chuyển nguồn CCTL: 753.000.000 đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 4.853.000.000đồng

2.3. Tổng chi ngân sách xã: 6.541.000.000 đồng; Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 0 đồng.
- Chi thường xuyên: 6.397.000.000 đồng.
- Chi dự phòng: 144.000.000 đồng.

3. Tổng thu, chi các hoạt động tài chính khác năm 2024.

- Tồn năm 2023 chuyển sang: 144.623.500 đồng
- Tổng thu: 419.120.000 đồng
- Tổng chi: 563.743.500 đồng

4. Về hình thức công khai: Công khai niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3: Công chức Văn phòng – Thống kê, Tài chính - Kế toán, Trưởng các ngành, đoàn thể xã, công chức, viên chức xã, hiệu trưởng 03 nhà trường, Trạm y tế xã và các cá nhân, tổ chức liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND xã;
- Trưởng các đoàn thể, cán bộ, công chức xã;
- Cán bộ đài truyền thanh xã;
- Hiệu trưởng 03 nhà trường, Trạm y tế xã;
- Trưởng 09 thôn trên địa bàn xã;
- Cổng TTĐT xã;
- Lưu: VT, TCKT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Dịu

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ THƯỜNG THẮNG

Biểu số 108/CKTC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị: đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	**6.541.000.000**	**Tổng số chi**	**6.541.000.000**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	**164.000.000**	**I. Chi đầu tư phát triển**	**-**
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ(1)	**771.000.000**	**II. Chi thường xuyên**	**6.397.000.000**
III. Thu bổ sung	**4.853.000.000**	**III. Dự phòng**	**144.000.000**
- Bổ sung cân đối ngân sách	**4.040.000.000**		
- Bổ sung đảm bảo mặt bằng dự toán chi NS địa phương năm 2024 giảm so với năm 2023	**242.000.000**		
- Bổ sung có mục tiêu	**571.000.000**		
IV. Thu chuyển nguồn CCTL còn dư của NSĐP năm 2023 sang năm 2024 để thực hiện chính sách CCTL theo quy định hiện hành	**753.000.000**		

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ THƯỜNG THẮNG

Biểu số 109/CKTC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt)

Đơn vị:đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	TỔNG THU	**6.866.000.000**	**6.541.000.000**
I	**Các khoản thu 100%**	**917.000.000**	**917.000.000**
1	Phí, lệ phí	85.000.000	85.000.000
2	Thu từ quỹ đất CI và đất công	79.000.000	79.000.000
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Các khoản huy động đóng góp theo quy định		
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức và cá nhân	-	-
6	Thu chuyển nguồn	753.000.000	753.000.000
7	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	-
8	Thu khác	-	-
II	**Các khoản thu theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**1.096.000.000**	**771.000.000**
1	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng BĐS	580.000.000	330.000.000
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	148.000.000	148.000.000
3	lệ phí môn bài	58.000.000	58.000.000
4	Trước bạ	150.000.000	75.000.000

5	Thuế GTGT và thu nhập DN của các DN, CTy		
6	Tiền sử dụng đất	-	-
7	Thuế GTGT từ các cá nhân SXKD hàng hóa, dv	160.000.000	160.000.000
8	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước của các DN ngoài quy định		
9	Phí bảo vệ môi trường		
III	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**4.853.000.000**	**4.853.000.000**
1	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.040.000.000	4.040.000.000
2	- Bổ sung đảm bảo mặt bằng dự toán chi NS địa phương năm 2024 giảm so với năm 2023	242.000.000	242.000.000
3	- Bổ sung có mục tiêu	571.000.000	571.000.000
IV	**Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã**		

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ THƯỜNG THẮNG

Biểu số 110/CKTC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt)

Đơn vị:đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	**6.541.000.000**	**-**	**6.541.000.000**
1	Chi giáo dục	-		-
2	Chi hoạt động ĐTT	66.600.000		66.600.000
3	Chi y tế	-		-
4	Chi văn hóa, thông tin	169.000.000		169.000.000
5	Chi an ninh quốc phòng	599.000.000		599.000.000
6	Chi thể dục thể thao	27.000.000		27.000.000
7	Chi bảo vệ môi trường	27.540.000		27.540.000
8	Chi các hoạt động kinh tế	246.589.000		246.589.000
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.827.545.000		4.827.545.000
10	Chi cho công tác xã hội	405.000.000		405.000.000
11	Chi khác	28.726.000		28.726.000
12	50% nguồn để lại làm lương	-		-
13	Dự phòng ngân sách	144.000.000		144.000.000

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ THƯỜNG THẮNG

Biểu số 112/CK TC-NSNN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023			KẾ HOẠCH NĂM 2024		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	**1.024.897.660**	**880.274.160**	**144.623.500**	**419.120.000**	**563.743.500**	**-**
1. Các quỹ công chuyên dùng	**583.951.060**	**439.327.560**	**144.623.500**	**419.120.000**	**563.743.500**	**-**
- Đền ơn đáp nghĩa	29.506.000	23.402.000	6.104.000	23.402.000	29.506.000	-
- Bảo trợ trẻ em	20.156.020	20.156.020	-	-	-	-
- Quỹ PCLB	48.611.940	48.611.940	-	45.718.000	45.718.000	-
- Quỹ vì người nghèo	279.634.500	141.115.000	138.519.500		138.519.500	-
- Dịch vụ vệ sinh môi trường	206.042.600	206.042.600	-	350.000.000	350.000.000	-
2. Thu hộ - Chi hộ khác	**440.946.600**	**440.946.600**	**-**	**-**	**-**	**-**
- Hỗ trợ tiền điện HN, HCS	40.052.000	40.052.000	-			-
- Hỗ trợ lập danh sách tham giua BHYT	4.795.000	4.795.000	-			-
- Chi hỗ trợ công chức quản lý đối tượng BTXH	2.000.000	2.000.000	-			-
- Tiền bảo lãnh thực hiện HĐ Trường tiểu học: Hạng mục nhà 3 tầng 12 phòng học	165.000.000	165.000.000	-			-
- Hỗ trợ di dời 27 ngôi mộ vô chủ tuyến đường Bắc Nam	217.890.000	217.890.000	-			-
- Hỗ trợ 8% thu thuế SD đất PNN năm 2022	11.209.600	11.209.600	-			-